

	<p>* Bài 4: - HS tính được diện tích hình bình hành.</p>	<p>- GV nhận xét chọn áp án c, ghi điểm.</p> <p>- Gọi 1 HS đọc đề bài toán. - Yêu cầu HS quan sát hình H và hỏi: Diện tích hình H là tổng diện tích của các hình nào ? - Yêu cầu HS nêu cách tính diện tích hình bình hành. - Yêu cầu HS làm bài.</p>	<p>tính diện tích của hình chữ nhật - Chữa lại bài. Diện tích hình vuông hay diện tích hình chữ nhật: $8 \times 8 = 64 \text{ (cm}^2\text{)}$ Chiều dài hình chữ nhật là: $64 : 4 = 16 \text{ (cm)}$</p> <p>- HS đọc bài trước lớp. - Diện tích hình H là tổng diện tích hình bình hành ABCD và hình chữ nhật BEGC. - 1 HS nêu trước lớp. - HS làm bài vào vở, 1 HS làm bảng nhóm và trình bày trên bảng, cả lớp cùng chữa bài.</p> <p>Bài giải Diện tích hình bình hành ABCD là: $3 \times 4 = 12 \text{ (cm}^2\text{)}$ Diện tích hình chữ nhật BEGC là: $3 \times 4 = 12 \text{ (cm}^2\text{)}$ Diện tích hình H là: $12 + 12 = 24 \text{ (cm}^2\text{)}$ Đáp số: 24 cm^2.</p>
2'	<p>C. <u>Củng cố- Dẫn dò:</u></p>	<p>- GV tổng kết giờ học. - Về ôn lại bài và chuẩn bị bài sau.</p>	<p>- HS nghe. - HS nghe.</p>

KỂ CHUYỆN
KỂ CHUYỆN ĐƯỢC CHỨNG KIẾN HOẶC THAM GIA

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Chọn được các chi tiết nói về một người vui tính; biết kể lại rõ ràng về những sự việc minh họa cho tính cách của nhân vật (kể không thành chuyện), hoặc kể sự việc để lại ấn tượng sâu sắc về nhân vật (kể thành chuyện).

- Biết trao đổi với bạn về ý nghĩa câu chuyện.

2. Kỹ năng:

HS thực hiện được yêu cầu trên.

3. Thái độ:

GD HS yêu thích kể chuyện.

II. ĐỒ DÙNG:

- GV: Bảng lớp viết đề bài. Bảng phụ viết nội dung gợi ý 3.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Tg	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
4'	A. Kiểm tra:	- Kể lại câu chuyện đã nghe, đã đọc về người có tinh thần lạc quan, yêu đời. Nêu ý nghĩa câu chuyện. - GV nhận xét.	- 2 HS kể. - Nhận xét bạn kể.
32'	B. Bài mới: 1, Giới thiệu bài: 2, Hướng dẫn HS tìm hiểu yêu cầu đề bài: 3, HS kể chuyện:	- GV giới thiệu bài. - GV ghi đề bài lên bảng lớp: + Đề bài: Kể chuyện về một người vui tính mà em biết. - GV giao việc: các em phải kể nội dung câu chuyện về người vui tính mà em là người chứng kiến câu chuyện xảy ra hoặc em trực tiếp tham gia. Đó là câu chuyện về những con người xảy ra trong cuộc sống hàng ngày. - Cho HS nói về nhân vật mình chọn kể. - Cho HS quan sát tranh trong SGK. - Cho HS kể theo cặp.	- HS nghe. - 1 số HS đọc, lớp lắng nghe. - HS nghe. - HS lần lượt nói về nhân vật mình chọn kể. - HS quan sát tranh. - Từng cặp HS kể cho nhau

3'	<u>C. <i>Củng cố- Đẫn dò:</i></u>	<ul style="list-style-type: none">- Cho HS thi kể.- GV nhận xét và khen những HS có câu chuyện hay, kể hay.- Tổng kết toàn bài.- Liên hệ thực tế.<ul style="list-style-type: none">- Yêu cầu HS về nhà kể lại câu chuyện cho người thân nghe hoặc viết vào vở câu chuyện đã kể ở lớp.	<p>nghe câu chuyện của mình. Hai bạn cùng trao đổi về ý nghĩa của câu chuyện.</p> <ul style="list-style-type: none">- Đại diện một số cặp lên thi kể.- Lớp nhận xét.- HS nghe. - HS nghe. - HS nghe.
----	--	--	--

TẬP ĐỌC
ĂN “MÀM ĐÁ”

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Hiểu nội dung câu chuyện: Ca ngợi Trạng Quỳnh thông minh, vừa biết cách làm cho chúa ăn ngon miệng, vừa khéo giúp chúa thấy được một bài học về ăn uống. (Trả lời được các câu hỏi trong SGK).

2. Kỹ năng:

- Bước đầu biết đọc với giọng kể vui, hóm hỉnh; đọc phân biệt được lời nhân vật và người dẫn câu chuyện.

3. Thái độ:

- Giáo dục HS biết cách ăn ngon miệng, giữ vệ sinh ăn uống.

II. ĐỒ DÙNG:

Tranh minh họa bài học trong SGK.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Tg	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
4'	A. Kiểm tra:	- Đọc bài tập đọc <i>Tiếng cười là liều thuốc bổ</i> . + Em rút ra điều gì qua bài vừa đọc ?	-1 HS đọc bài. + Trong cuộc sống, con người cần sống vui vẻ thoải mái.
32'	B. Bài mới: 1, Giới thiệu bài: 2, Luyện đọc. Bước đầu biết đọc với giọng kể vui, hóm hỉnh	-Trạng Quỳnh là nhân vật nổi tiếng trong văn học dân gian Việt Nam. Bằng sự thông minh, sắc sảo, hóm hỉnh, Trạng Quỳnh đã cho bọn quan lại những bài học nhớ đời. Bài tập đọc <i>Ăn “mầm đá”</i> hôm nay chúng ta học sẽ giúp các em hiểu được một phần điều đó. - Gọi 1 HS đọc toàn bài. - GV phân đoạn: 4 đoạn: + Đoạn 1: 3 dòng đầu: Giới thiệu về Trạng Quỳnh. + Đoạn 2: Tiếp theo ... “đại phong”: Câu chuyện giữa chúa Trịnh với Trạng Quỳnh. + Đoạn 3 : Tiếp theo ... “khó tiêu chúa đói” + Đoạn 4: Còn lại: Bài học dành	-HS nghe. - 1 HS đọc, cả lớp đọc thầm - HS theo dõi.

	<p>3. Tìm hiểu bài: Trả lời được các câu hỏi trong SGK).</p>	<p>cho chúa. - Cho HS đọc nối tiếp. - HS đọc theo cặp. - GV đọc toàn bài một lần, nêu giọng đọc: Cần đọc với giọng vui, hóm hỉnh, đọc ohân biệt với các nhân vật trong truyện. • Đoạn 1 + 2. + Vì sao chúa Trịnh muốn ăn món “mâm đá”? + Trạng Quỳnh chuẩn bị món ăn cho chúa như thế nào ? + Cuối cùng chúa có được ăn “mâm đá” không ? Vì sao ? + Vì sao chúa ăn tương vẫn thấy ngon miệng ? + Em có nhận xét gì về nhân vật Trạng Quỳnh?</p>	<p>- HS đọc nối tiếp. - HS luyện đọc. - HS theo dõi. - HS đọc thầm đoạn 1 + 2. + Vì chúa ăn gì cũng không ngon miệng. Chúa thấy “mâm đá” lạ nên muốn ăn. + Trạng cho người đi lấy đá về ninh, còn mình thì chuẩn bị một lọ tương để bên ngoài hai chữ “đại phong”. Trạng bắt chúa phải chờ cho đến lúc đói mềm. + Chúa không được ăn món “mâm đá” vì thực ra không có món đó. + Vì đói quá nên chúa ăn gì cũng thấy ngon. + HS có thể trả lời: • Trạng Quỳnh là người rất thông minh. • Trạng Quỳnh rất hóm hỉnh. • Trạng Quỳnh vừa giúp được chúa vừa khéo chê chúa.</p>
	<p>4, Đọc diễn cảm:</p>	<p>- Cho HS đọc theo cách phân vai. - GV luyện cho cả lớp đọc đoạn 3, 4. - Cho HS thi đọc phân vai đoạn 3 + 4. - GV nhận xét và khen nhóm đọc hay. + Nêu ý nghĩa câu chuyện.</p>	<p>- 3 HS đọc theo cách phân vai: người dẫn chuyện, Trạng Quỳnh, chúa Trịnh. - HS đọc đoạn. - Các nhóm thi đọc. - Lớp nhận xét. + HS nêu.</p>
3'	C. Củng cố	- Liên hệ thực tế.	

<u>Dẫn dò:</u>	- Yêu cầu HS về nhà tiếp tục luyện đọc bài văn và kể lại truyện cười cho người thân nghe.	- HS nghe.
-----------------------	---	------------

TOÁN
ÔN TẬP VỀ TÌM SỐ TRUNG BÌNH CỘNG

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Giải được các bài toán về tìm số trung bình cộng.

2. Kỹ năng:

- Rèn HS có kỹ năng làm đúng các bài tập trong SGK, trang 175.

3. Thái độ:

- Giáo dục HS vận dụng tính toán thực tế.

II. ĐỒ DÙNG:

- Bảng nhóm, bút dạ.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Tg	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
2'	A. Kiểm tra:	- Nêu quy tắc tìm số trung bình cộng của nhiều số. - GV nhận xét.	- 2 HS nêu.
32'	B. Bài mới: 1 Giới thiệu bài: 2, Hướng dẫn ôn tập: *Bài 1: - Củng cố tìm số TBC *Bài 2: Giải được các bài toán về tìm số trung bình cộng.	- GV giới thiệu bài. - Đọc yêu cầu của bài. - Nêu cách làm. - GV chấm bài nhận xét. - Gọi HS đọc đề, phân tích đề.	- HS nghe. - HS đọc. - HS nêu. - HS làm bảng con, 2 HS làm bảng lớp. a, $(137 + 248 + 395) : 3 = 260$ b, $(348 + 219 + 560 + 725) : 4 = 463$ - 1 HS đọc đề, 2 phân tích đề. Lớp suy nghĩ nêu bước giải, làm bài, 1 HS làm bảng nhóm và trình bày trước lớp. Bài giải Số người tăng trong 5 năm là :

3'	<p>*Bài 3: Giải được các bài toán về tìm số trung bình cộng.</p> <p><u>C. Củng cố- Dẫn dò:</u></p>	<p>- GV nhận xét.</p> <p>- Gọi HS đọc đề, phân tích đề. - GV gợi ý giúp HS tìm ra các bước giải. - Yêu cầu HS tự làm. - GV chữa bài.</p> <p>- Tổng kết toàn bài. - Về nhà ôn lại bài và chuẩn bị bài sau: <i>Ôn tập về tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.</i></p>	<p>$158 + 147 + 132 + 103 + 95 = 635$(người) Số người tăng trung bình hằng năm là; $635 : 5 = 127$(người) Đáp số : 127 người.</p> <p>-1 HS đọc đề, 2 phân tích đề Lớp suy nghĩ nêu bước giải, làm bài , 1 HS làm bảng</p> <p><u>Bài giải</u> Tổ Hai góp được số vở là: $36 + 2 = 38$ (quyển) Tổ Ba góp được vở là: $38 + 2 = 40$ (quyển) Trung bình mỗi tổ góp được số quyển vở là: $(36 + 38 + 40) : 3 = 38$(quyển) Đáp số : 38 quyển vở.</p> <p>- HS nghe. - HS nghe.</p>
----	--	--	--